

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024

Tháng 08 năm 2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	16 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đoàn Tùng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Vũ Trọng Quân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024
Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Hồ Xuân Vinh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Vanfleteren Zamiel	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024
Bà Phạm Hoài Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Phương Dung	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Nguyễn Quang Học	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Bà Hoàng Thị Huyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 06/06/2024
Bà Phạm Thị Đức Việt	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024
Bà Nguyễn Hoài Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/06/2024

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Quân	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Kế toán trưởng là bà Nguyễn Thu Hương bỏ nhiệm từ ngày 10/01/2024.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Đức Quân - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Quân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

Số: 783/2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 08 năm 2024, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2024, khoản mục "Tạm ứng" Mã số 131 trên Bảng cân đối kế toán bao gồm khoản tạm ứng cho các cá nhân là nhân viên công ty với mục đích tạm ứng kinh doanh số tiền 168,6 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là 172,2 tỷ đồng). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là những khoản có thể gây ra tổn thất tài sản và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị. Tuy nhiên, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, hợp lý của số dư các khoản tạm ứng nêu trên cũng như mục đích sử dụng của các khoản tạm ứng này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 36.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ngày 28/06/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với 05 cá nhân Công ty về tội “Thao túng thị trường Chứng khoán” xảy ra tại Công ty Cổ phần Chứng khoán châu Á - Thái Bình Dương (APS), Công ty Cổ phần Đầu tư châu Á - Thái Bình Dương (API) và Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (IDJ). Trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2024, Công ty đang ghi nhận giá trị mã cổ phiếu API là 80,4 tỷ đồng và mã cổ phiếu IDJ là 110,1 tỷ đồng. Đến nay Cơ quan chức năng chưa có kết luận chính thức.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		762.117.033.814	730.279.571.006
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		592.035.578.978	554.578.989.819
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	117.680.177.580	150.983.864.246
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>65.680.177.580</i>	<i>29.983.864.246</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>52.000.000.000</i>	<i>121.000.000.000</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3	472.381.217.938	426.337.338.968
Các khoản cho vay	114	7.1	159.592.814.486	146.665.900.511
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.2	(10.484.157.289)	(10.133.467.258)
Các khoản phải thu	117	8	6.036.912.429	3.186.993.609
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>6.036.912.429</i>	<i>3.186.993.609</i>
Trả trước cho người bán	118	8	3.197.396.259	3.329.896.259
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	6.471.855.246	7.571.855.246
Các khoản phải thu khác	122	8	14.796.962.036	7.834.207.945
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	15	(177.637.599.707)	(181.197.599.707)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		170.081.454.836	175.700.581.187
Tạm ứng	131	9	169.570.888.715	172.858.681.434
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	451.566.121	254.816.716
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	59.000.000	39.000.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	16	-	2.548.083.037
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.314.687.449	72.429.199.682
Tài sản cố định	220		8.548.518.229	9.432.356.311
Tài sản cố định hữu hình	221	14	5.650.747.243	6.070.685.329
- Nguyên giá	222		16.237.967.824	16.237.967.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(10.587.220.581)	(10.167.282.495)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.897.770.986	3.361.670.982
- Nguyên giá	228		9.398.527.488	9.398.527.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(6.500.756.502)	(6.036.856.506)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		860.000.000	860.000.000
Tài sản dài hạn khác	250		56.906.169.220	62.136.843.371
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	153.663.649	178.206.307
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		39.585.971.489	45.402.892.340
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	12	17.166.534.082	16.555.744.724
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		828.431.721.263	802.708.770.688

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.008.976.788	21.445.071.767
Nợ phải trả ngắn hạn	310		7.377.976.788	16.814.071.767
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		358.382.441	216.462.177
Phải trả người bán ngắn hạn	320	17	208.379.972	208.379.972
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		782.900.000	802.900.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	2.581.174.748	5.250.268.991
Phải trả người lao động	323		920.206.841	4.972.715.078
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		325.804.440	396.260.870
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		560.121.305	518.674.825
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	1.250.509.052	4.057.911.865
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		390.497.989	390.497.989
Nợ phải trả dài hạn	340		4.631.000.000	4.631.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	346		4.631.000.000	4.631.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		816.422.744.475	781.263.698.921
Vốn chủ sở hữu	410		816.422.744.475	781.263.698.921
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	843.759.450.000	843.759.450.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		830.000.000.000	830.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		830.000.000.000	830.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		13.759.450.000	13.759.450.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		2.868.000.000	2.868.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	417	19.1	(30.204.705.525)	(65.363.751.079)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		128.139.180.433	116.247.818.279
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(158.343.885.958)	(181.611.569.358)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		828.431.721.263	802.708.770.688

Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	20.1	83.000.000	83.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	262.430.040.000	246.465.790.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	30.430.000	30.430.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	217.358.190.000	217.358.190.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		2.647.184.590.000	2.610.699.500.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		2.472.722.230.000	2.430.849.540.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		88.774.400.000	88.924.400.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		67.540.000.000	67.540.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		10.160.000	10.160.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		18.137.800.000	23.375.400.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	57.385.110.000	58.186.550.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		57.385.110.000	58.186.550.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		37.815.519.200	38.912.869.800
Tiền gửi của khách hàng	026	25	141.890.293.977	163.150.474.981
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	027		134.909.118.181	157.806.097.943
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		5.661.205.322	4.869.765.531
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		5.543.110.233	4.804.336.654
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		118.095.089	65.428.877
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		1.319.970.474	474.611.507

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	26	140.570.323.503	162.675.863.474
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031.1		140.231.692.846	162.437.770.460
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		338.630.657	238.093.014
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		1.319.970.474	474.611.507

Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		165.098.339.833	345.283.610.712
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>		<i>11.337.044.597</i>	<i>31.285.162.762</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>		<i>153.686.295.236</i>	<i>313.300.302.000</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>		<i>75.000.000</i>	<i>698.145.950</i>
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		765.717.808	1.759.013.697
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		7.717.624.574	7.794.364.087
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		4.034.194.477	4.743.378.213
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		363.433.799	598.092.752
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		1.130.000.000	257.454.545
Cộng doanh thu hoạt động	27		179.109.310.491	360.435.914.006
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		125.012.148.863	302.465.847.243
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		<i>410.457.878</i>	<i>2.524.769.913</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>21.2</i>		<i>124.601.690.985</i>	<i>299.941.077.330</i>
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	28	350.690.031	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	3.353.926.417	3.919.933.304
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	524.474.302	607.688.866
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	28	-	39.910.870
Chi phí các dịch vụ khác	32	28	1.011.698	5.044.491
Cộng chi phí hoạt động	40		129.242.251.311	307.038.424.774
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42		26.386.798	162.800.825
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		26.386.798	162.800.825
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52	29	275.602.849	275.602.852
Cộng chi phí tài chính	60		275.602.849	275.602.852
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG	62	30	6.444.141.869	181.193.073.409
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		43.173.701.260	(127.908.386.204)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		1.355.682	124.776.310
Chi phí khác	72		108.000.000	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(106.644.318)	124.776.310
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		43.067.056.942	(127.783.609.894)
THUẾ				
Lợi nhuận đã thực hiện	91		13.982.452.691	(141.142.834.564)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		29.084.604.251	13.359.224.670
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	31	7.908.011.388	8.740.280.702
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		2.091.090.537	6.068.435.768
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		5.816.920.851	2.671.844.934
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		35.159.045.554	(136.523.890.596)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	32	424	(1.645)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502	32	424	(1.645)

Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		43.067.056.942	(127.783.609.894)
Điều chỉnh cho các khoản	02		(8.086.781.467)	172.220.756.314
- Khấu hao TSCĐ	03		883.838.082	883.838.082
- Các khoản dự phòng	04		(3.209.309.969)	172.132.295.202
- Chi phí lãi vay	06		275.602.849	275.602.852
- Dự thu tiền lãi	08		(6.036.912.429)	(1.070.979.822)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		124.601.690.985	299.941.077.330
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		124.601.690.985	299.941.077.330
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(153.686.295.236)	(313.300.302.000)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(153.686.295.236)	(313.300.302.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(39.199.357.890)	(45.827.377.648)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(16.959.274.719)	60.225.942.021
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(12.926.913.975)	64.127.899.832
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		3.186.993.609	2.166.162.700
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		1.100.000.000	252.500.000
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(6.830.254.091)	143.881.503
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		5.835.875.756	(166.598.754.294)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		41.446.480	(1.265.967.961)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(172.206.747)	(7.702.964)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(4.950.186.869)	-
(-) Lãi vay đã trả	44		(275.602.849)	(275.602.852)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		141.920.264	(402.491.234)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(70.456.430)	76.500.944
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		190.002.089	(1.864.310.021)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(4.052.508.237)	(297.550.231)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(2.827.402.813)	(625.522.750)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(630.789.358)	(1.482.362.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(33.303.686.666)	(14.749.455.898)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		-	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(33.303.686.666)	(14.749.455.898)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	6	150.983.864.246	160.685.729.956
- Tiền	101.1		29.983.864.246	39.685.729.956
- Các khoản tương đương tiền	101.2		121.000.000.000	121.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	6	117.680.177.580	145.936.274.058
- Tiền	103.1		65.680.177.580	84.936.274.058
- Các khoản tương đương tiền	103.2		52.000.000.000	61.000.000.000

Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**


Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách	01		307.549.915.180	568.149.956.020
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách	02		(274.185.905.550)	(262.958.321.640)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		529.660.257.767	902.426.838.918
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(584.766.373.569)	(1.180.704.288.705)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(363.433.799)	(598.092.752)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		19.288.348.559	18.022.864.382
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(18.442.989.592)	(17.989.921.592)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(21.260.181.004)	26.349.034.631
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		163.150.474.981	179.207.948.667
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		157.806.097.943	178.984.163.750
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		4.869.765.531	42.740.336
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		474.611.507	181.044.581
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		141.890.293.977	205.556.983.298
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		134.909.118.181	205.293.681.649
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		5.661.205.322	49.314.278
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		1.319.970.474	213.987.371


Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu


Nguyễn Thu Hương
Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Tại 30/06/2023	Tại 30/06/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
I. Biến động vốn chủ sở hữu	19	961.182.320.662	781.263.698.921	10.687.379.736	(147.211.270.332)	35.159.045.554	-	824.658.430.066	816.422.744.475
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	843.759.450.000	843.759.450.000	-	-	-	-	843.759.450.000	843.759.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	19	830.000.000.000	830.000.000.000	-	-	-	-	830.000.000.000	830.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19	13.759.450.000	13.759.450.000	-	-	-	-	13.759.450.000	13.759.450.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	19	2.868.000.000	2.868.000.000	-	-	-	-	2.868.000.000	2.868.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	19.1	114.554.870.662	(65.363.751.079)	10.687.379.736	(147.211.270.332)	35.159.045.554	-	(21.969.019.934)	(30.204.705.525)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	19.1	254.361.642.621	116.247.818.279	-	(147.211.270.332)	11.891.362.154	-	401.572.912.953	128.139.180.433
- Lợi nhuận chưa thực hiện	19.1	(139.806.771.959)	(181.611.569.358)	10.687.379.736	-	23.267.683.400	-	(129.119.392.223)	(158.343.885.958)
Cộng		961.182.320.662	781.263.698.921	10.687.379.736	(147.211.270.332)	35.159.045.554	-	824.658.430.066	816.422.744.475

Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 VND; Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2015.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 338/UBCK-GP ngày 07/07/2010 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 390.000.000.000 VND.

Giấy phép điều chỉnh số 81/UBCK-GP ngày 27/09/2021 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 780.000.000.000 VND.

Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 830.000.000.000 VND.

Giấy phép điều chỉnh số 77/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2023 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thay đổi Người đại diện theo Pháp luật.

Địa chỉ theo Giấy phép điều chỉnh là: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điều lệ Công ty được ban hành năm 2006 và sửa đổi vào ngày 11/01/2022. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán APS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 41 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 38 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các đơn vị trực thuộc của Công ty gồm:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 11, tòa nhà MB Sunny Tower, số 259 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Huế	Số 28 Lý Thường Kiệt, P. Vĩnh Ninh, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT_BTC (“Thông tư 121”) do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Thông tư 121 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - + Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - + Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - + Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - + Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
 - + Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ".

3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán:

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD:

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán:

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xoá lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán:

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01 % trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thoả mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lí do sau đây:
 - Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp đồng phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thoả mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau khi nhận ban đầu theo giá gốc dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường/ giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của Chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và các chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Giá trị thị trường với chứng khoán bị huỷ hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Giá trị chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với các tài sản thế chấp là chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các tài sản thế chấp chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
- Máy móc, thiết bị	03 - 06
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; Hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

• ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL.

• ***Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• ***Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:***

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• ***Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• ***Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:***

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

• **Thu nhập hoạt động khác:**

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành, doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; Doanh thu đầu tư khác.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán;
- Chi phí các dịch vụ tài chính khác;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán;
- Chi phí các dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương: Ông Hồ Xuân Vinh - Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương; Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương; Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan - Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương; Bà Nguyễn Phương Dung - Trưởng Ban kiểm soát của Công ty là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương; Bà Nguyễn Thu Hương - Kế toán trưởng của Công ty là Thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương.
- Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam: Ông Nguyễn Đoàn Tùng - Chủ tịch HĐQT của Công ty là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam; Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam; Bà Nguyễn Thu Hương - Kế toán trưởng của Công ty là Trưởng Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

- Công ty Cổ phần Quản lý khách sạn & dịch vụ Mandala: Bà Hoàng Thị Huyền – Thành viên ban kiểm soát của Công ty là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Quản lý khách sạn & dịch vụ Mandala.
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group: Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana: Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan - Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty CP Tập đoàn Cotana.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Và các bên liên quan khác được công bố trên Báo cáo tình hình quản trị Công ty số 02/2024/BCQT-APEC ngày 19/07/2024.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ Cổ phiếu	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VNĐ
Của Công ty Chứng khoán	14.466.600	305.446.722.000
- Cổ phiếu	14.466.600	305.446.722.000
Của Nhà đầu tư	347.828.857	5.719.582.628.490
- Cổ phiếu	347.828.857	5.719.582.628.490
	362.295.457	6.025.029.350.490

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024 VNĐ	01/01/2024 VNĐ
- Tiền mặt	20.845.187	92.906.168
- Tiền gửi ngân hàng	11.697.815.978	24.859.970.444
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	53.961.516.415	5.030.987.634
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52.000.000.000	121.000.000.000
Cộng	117.680.177.580	150.983.864.246

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các khoản cho vay

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý(3) VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý(3) VNĐ
- Hoạt động ứng trước tiền bán (1)	6.689.880.491	6.689.880.491	8.185.553.479	8.185.553.479
- Gốc cho vay hoạt động Margin (2)	152.902.933.995	142.418.776.706	138.480.347.032	128.346.879.774
Cộng	159.592.814.486	149.108.657.197	146.665.900.511	136.532.433.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.1 Các khoản cho vay (tiếp)

- (1) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.
- (2) Chứng khoán nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty.
- (3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.2 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự phòng suy giảm các khoản cho vay	(10.484.157.289)	(10.133.467.258)
Cộng	(10.484.157.289)	(10.133.467.258)

7.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Chứng khoán thương mại</i>	670.311.075.385	472.381.217.938	653.351.800.666	426.337.338.968
Cổ phiếu niêm yết	447.998.555.544	280.570.161.470	431.516.719.007	234.593.071.400
Cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCOM)	481.088.402	67.487.000	3.650.220	698.100
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	221.831.431.439	191.743.569.468	221.831.431.439	191.743.569.468
Cộng	670.311.075.385	472.381.217.938	653.351.800.666	426.337.338.968

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2024

đến 30/06/2024

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

7.4 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính

TT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2024					01/01/2024				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu kỳ	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3 = (2-1)	4 = (1-2)	5 = (1+3-4)	6	7	8 = (7-6)	9 = (6-7)	10 = (6+8-9)
I	FVTPL										
1	Cổ phiếu niêm yết	447.998.555.544	280.570.161.470	6.439.943.890	173.868.337.964	280.570.161.470	431.516.719.007	234.593.071.400	1.023.049.822	197.946.697.429	234.593.071.400
	API	188.805.999.564	80.422.056.000	-	108.383.943.564	80.422.056.000	188.805.999.564	62.795.304.000	-	126.010.695.564	62.795.304.000
	IDJ	169.750.661.000	110.102.446.700	-	59.648.214.300	110.102.446.700	169.750.661.000	103.529.166.300	-	66.221.494.700	103.529.166.300
	CSC	30.964.380.000	27.164.198.900	-	3.800.181.100	27.164.198.900	30.964.380.000	27.850.658.800	-	3.113.721.200	27.850.658.800
	TNH	28.937.681.605	33.243.007.500	4.305.325.895	-	33.243.007.500	19.574.105.583	18.479.175.000	-	1.094.930.583	18.479.175.000
	VSC	5.466.475.000	5.500.000.000	33.525.000	-	5.500.000.000	-	-	-	-	-
	MWG	4.737.919.968	6.240.000.000	1.502.080.032	-	6.240.000.000	4.235.000.000	4.280.000.000	45.000.000	-	4.280.000.000
	PCI	2.770.652.000	2.875.000.000	104.348.000	-	2.875.000.000	-	-	-	-	-
	HAG	2.765.000.000	2.420.000.000	-	345.000.000	2.420.000.000	-	-	-	-	-
	DVM	2.627.000.000	2.480.000.000	-	147.000.000	2.480.000.000	-	-	-	-	-
	FIT	2.399.999.000	2.230.000.000	-	169.999.000	2.230.000.000	-	-	-	-	-
	VRE	2.165.000.000	2.045.000.000	-	120.000.000	2.045.000.000	-	-	-	-	-
	AAT	2.000.000.000	830.000.000	-	1.170.000.000	830.000.000	2.000.000.000	980.000.000	-	1.020.000.000	980.000.000
	DIG	1.677.000.000	1.593.000.000	-	84.000.000	1.593.000.000	-	-	-	-	-
	Các cổ phiếu niêm yết khác	2.930.787.407	3.425.452.370	494.664.963	-	3.425.452.370	16.186.572.860	16.678.767.300	978.049.822	485.855.382	16.678.767.300
2	Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch (UPCOM)	481.088.402	67.487.000	-	413.601.402	67.487.000	3.650.220	698.100	-	2.952.120	698.100

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2024

đến 30/06/2024

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

7.4 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (Tiếp)

TT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2024					01/01/2024				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	CL đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu kỳ	CL đánh giá		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3 = (2-1)	4 = (1-2)	5 = (1+3-4)	6	7	8 = (7-6)	9 = (6-7)	10 = (6+8-9)
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	221.831.431.439	191.743.569.468	-	30.087.861.971	191.743.569.468	221.831.431.439	191.743.569.468	-	30.087.861.971	191.743.569.468
	Công ty CP Tập đoàn Apec Group	150.150.000.000	129.998.955.125	-	20.151.044.875	129.998.955.125	150.150.000.000	129.998.955.125	-	20.151.044.875	129.998.955.125
	Công ty Cổ phần Apec Finance	30.030.000.000	30.030.000.000	-	-	30.030.000.000	30.030.000.000	30.030.000.000	-	-	30.030.000.000
	Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	14.671.098.481	14.671.098.481	-	-	14.671.098.481	14.671.098.481	14.671.098.481	-	-	14.671.098.481
	Công ty CP Dreamworks Việt Nam	6.000.000.000	2.688.182.908	-	3.311.817.092	2.688.182.908	6.000.000.000	2.688.182.908	-	3.311.817.092	2.688.182.908
	Công ty CP Thép Đình Vũ	5.625.000.000	-	-	5.625.000.000	-	5.625.000.000	-	-	5.625.000.000	-
	Công ty CP Đầu tư Bất động sản Hà Nội	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000
	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
	Công ty CP Đường sắt Phía Nam	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-
	Các cổ phiếu khác	4.355.332.958	4.355.332.954	-	4	4.355.332.954	4.355.332.958	4.355.332.954	-	4	4.355.332.954
	Tổng	670.311.075.385	472.381.217.938	6.439.943.890	204.369.801.337	472.381.217.938	653.351.800.666	426.337.338.968	1.023.049.822	228.037.511.520	426.337.338.968



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	6.036.912.429	3.186.993.609
- Dự thu lãi cho vay margin	6.036.912.429	3.186.993.609
Trả trước cho người bán	3.197.396.259	3.329.896.259
- 3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	2.430.258.000
- Các khoản trả trước khác	767.138.259	899.638.259
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	6.471.855.246	7.571.855.246
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group	3.697.188.000	3.997.188.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	2.167.945.000	2.637.945.000
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính khác	606.722.246	936.722.246
Phải thu khác	14.796.962.036	7.834.207.945
- Sửa lỗi giao dịch chứng khoán	4.548.366.937	4.548.366.937
- Các đối tượng khác	10.248.595.099	3.285.841.008
Cộng	30.503.125.970	21.922.953.059

9. TẠM ỨNG

Số dư các khoản tạm ứng chủ yếu là những khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện giao dịch thu mua cổ phần của các Công ty mục tiêu và thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa lưu trữ đầy đủ các hồ sơ liên quan.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	451.566.121	254.816.716
- Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí hỗ trợ phần mềm	451.566.121	254.816.716
Chi phí trả trước dài hạn	153.663.649	178.206.307
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	124.092.297	132.629.878
- Các chi phí khác	29.571.352	45.576.429
Cộng	605.229.770	433.023.023

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	59.000.000	39.000.000
- Ký quỹ, ký cược	59.000.000	39.000.000
Cộng	59.000.000	39.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	494.938.176	494.938.176
- Tiền nộp bổ sung hàng năm	9.134.849.835	8.524.060.477
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	7.536.746.071	7.536.746.071
Cộng	17.166.534.082	16.555.744.724

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	9.045.317.488	353.210.000	9.398.527.488
30/06/2024	9.045.317.488	353.210.000	9.398.527.488
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2024	(5.683.646.506)	(353.210.000)	(6.036.856.506)
Khấu hao trong kỳ	(463.899.996)	-	(463.899.996)
30/06/2024	(6.147.546.502)	(353.210.000)	(6.500.756.502)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	3.361.670.982	-	3.361.670.982
30/06/2024	2.897.770.986	-	2.897.770.986

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là: 4.759.527.488 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 4.759.527.488 đồng).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	7.589.276.652	1.439.889.000	7.208.802.172	16.237.967.824
30/06/2024	7.589.276.652	1.439.889.000	7.208.802.172	16.237.967.824
HAO MÒN LUỸ KẾ				
01/01/2024	(1.518.591.323)	(1.439.889.000)	(7.208.802.172)	(10.167.282.495)
Khấu hao trong kỳ	(419.938.086)	-	-	(419.938.086)
30/06/2024	(1.938.529.409)	(1.439.889.000)	(7.208.802.172)	(10.587.220.581)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	6.070.685.329	-	-	6.070.685.329
30/06/2024	5.650.747.243	-	-	5.650.747.243

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là: 9.010.103.824 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 9.010.103.824 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
B09a-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***15. DỰ PHÒNG SUY GIẢM CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Giá trị phải thu khó đòi Ngày 30/06/2024	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024			
		01/01/2024	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	30/06/2024
		VND	VND	VND	VND
1. Ứng trước người bán	2.851.886.235	2.851.886.235	-	-	2.851.886.235
- 3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	2.430.258.000	-	-	2.430.258.000
- Công ty TNHH MTV Phần mềm Bảo Thạch	195.000.000	195.000.000	-	-	195.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật - Thương mại Sao Việt	111.067.476	111.067.476	-	-	111.067.476
- Các đối tượng khác	115.560.759	115.560.759	-	-	115.560.759
2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	264.722.246	264.722.246	-	-	264.722.246
- Các đối tượng khác	264.722.246	264.722.246	-	-	264.722.246
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	5.397.831.870	5.397.831.870	-	-	5.397.831.870
- Sửa lỗi giao dịch	4.548.366.937	4.548.366.937	-	-	4.548.366.937
- Các đối tượng khác	849.464.933	849.464.933	-	-	849.464.933
4. Tạm ứng (*)	169.123.159.356	172.683.159.356	-	3.560.000.000	169.123.159.356
Cộng	177.637.599.707	181.197.599.707	-	3.560.000.000	177.637.599.707

(*) Trong đó, chủ yếu là các khoản tạm ứng cho các cá nhân trong công ty với mục đích kinh doanh số tiền là 169,1 tỷ đồng (tại 01/01/2024 là 172,68 tỷ đồng). Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, các cá nhân chưa hoàn trả tạm ứng nên Ban Tổng Giám Đốc đã trích lập dự phòng 100% với giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ cán trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	50.079.623	32.820.105	82.381.207	518.521
- Thuế thu nhập cá nhân từ lương	250.002.499	1.472.369.408	1.536.491.246	185.880.661
- Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	-	940.642.642	636.957.613	303.685.029
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.950.186.869	2.091.090.537	4.950.186.869	2.091.090.537
- Thuế thu nhập cá nhân từ lãi trái phiếu	-	6.016.439	6.016.439	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	5.250.268.991	4.545.939.131	7.215.033.374	2.581.174.748
	01/01/2024	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu/ cán trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	2.548.083.037	-	2.548.083.037	-
	2.548.083.037	-	2.548.083.037	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2024

đến 30/06/2024

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty TNHH Truyền thông ICON	46.788.359	46.788.359
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group	70.440.000	70.440.000
- Các đối tượng khác	91.151.613	91.151.613
Cộng	208.379.972	208.379.972

18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Khách hàng cá nhân	721.058.637	739.198.400
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	2.837.410.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	455.867.000	455.867.000
- Các khoản phải trả khác	73.583.415	25.436.465
Cộng	1.250.509.052	4.057.911.865

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	30/06/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
- Ông Nguyễn Đỗ Lăng	118.724.400.000	14,3%	118.724.400.000	13,1%
- Các cổ đông khác	711.275.600.000	85,7%	711.275.600.000	86,9%
Cộng	830.000.000.000	100%	830.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

19.2 THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	830.000.000.000	13.759.450.000	2.868.000.000	114.554.870.662	961.182.320.662
Tăng trong năm trước	-	-	-	(179.918.621.741)	(179.918.621.741)
Số dư cuối năm trước	830.000.000.000	13.759.450.000	2.868.000.000	(65.363.751.079)	781.263.698.921
Số dư đầu kỳ này	830.000.000.000	13.759.450.000	2.868.000.000	(65.363.751.079)	781.263.698.921
Tăng trong kỳ này	-	-	-	35.159.045.554	35.159.045.554
Số dư cuối kỳ này	<u>830.000.000.000</u>	<u>13.759.450.000</u>	<u>2.868.000.000</u>	<u>(30.204.705.525)</u>	<u>816.422.744.475</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	830.000.000.000	830.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	830.000.000.000	830.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.000.000	83.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	83.000.000	83.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	83.000.000	83.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.000.000	83.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	83.000.000	83.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

20. CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

	30/06/2024 CP	01/01/2024 CP
- Cổ phiếu đang lưu hành	83.000.000	83.000.000
Cộng	83.000.000	83.000.000

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	262.430.040.000	246.465.790.000
Cộng	262.430.040.000	246.465.790.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	217.358.190.000	217.358.190.000
Cộng	217.358.190.000	217.358.190.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	30.430.000	30.430.000
Cộng	30.430.000	30.430.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	57.385.110.000	58.186.550.000
Cộng	57.385.110.000	58.186.550.000

25. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	134.909.118.181	157.806.097.943
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	134.909.118.181	157.806.097.943
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	5.661.205.322	4.869.765.531
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	5.543.110.233	4.804.336.654
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	118.095.089	65.428.877
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	1.319.970.474	474.611.507
Cộng	141.890.293.977	163.150.474.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

26. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	140.570.323.503	162.675.863.474
- Nhà đầu tư trong nước	140.231.692.846	162.437.770.460
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	338.630.657	238.093.014
Cộng	140.570.323.503	162.675.863.474

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.034.194.477	4.743.378.213
- Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay và phải thu	7.717.624.574	7.794.364.087
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	363.433.799	598.092.752
- Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	165.098.339.833	345.283.610.712
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	765.717.808	1.759.013.697
- Doanh thu dịch vụ tư vấn tài chính	1.130.000.000	257.454.545
Cộng	179.109.310.491	360.435.914.006

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	350.690.031	-
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.353.926.417	3.919.933.304
- Chi phí tư vấn tài chính	-	39.910.870
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	524.474.302	607.688.866
- Chi phí dịch vụ khác	1.011.698	5.044.491
Cộng	4.230.102.448	4.572.577.531

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	275.602.849	275.602.852
Cộng	275.602.849	275.602.852

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2024

đến 30/06/2024

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí lương và các khoản phúc lợi	6.707.649.691	7.078.476.752
- Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	191.748.407	224.701.618
- Chi phí khấu hao TSCĐ	45.399.996	45.399.996
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	136.375.347	6.000.000
- Chi phí (hoàn nhập)/trích lập dự phòng	(3.560.000.000)	172.113.795.202
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.355.268.249	811.742.229
- Chi phí khác	1.567.700.179	912.957.612
Cộng	6.444.141.869	181.193.073.409

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.067.056.942	(127.783.609.894)
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	(32.611.604.250)	158.125.788.736
- Trừ: (Lãi)/Lỗ chưa thực hiện	(29.084.604.251)	(13.359.224.670)
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(75.000.000)	(698.145.950)
- Cộng: Chi phí không được trừ	(3.452.000.000)	172.183.159.356
Tổng thu nhập chịu thuế	10.455.452.692	30.342.178.842
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	2.091.090.537	6.068.435.768
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.091.090.537	6.068.435.768

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	35.159.045.554	(136.523.890.596)
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	83.000.000	83.000.000
- Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	424	(1.645)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ			
	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.680.177.580	-	150.983.864.246	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	472.381.217.938	-	426.337.338.968	-
Các khoản cho vay	159.592.814.486	(10.484.157.289)	146.665.900.511	(10.133.467.258)
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.036.912.429		3.186.993.609	
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	6.471.855.246	(264.722.246)	7.571.855.246	(264.722.246)
Các khoản phải thu khác	14.796.962.036	(5.397.831.870)	7.834.207.945	(5.397.831.870)
Cộng	776.959.939.715	(16.146.711.405)	742.580.160.525	(15.796.021.374)

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, giá trị thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết, đăng ký giao dịch của công ty là 313.029.713.980 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khác khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh bên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá cổ phần

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Vay và nợ	-	4.631.000.000	-	4.631.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.817.271.465	-	-	1.817.271.465
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.581.174.748	-	-	2.581.174.748
Chi phí phải trả	560.121.305	-	-	560.121.305
	4.958.567.518	4.631.000.000	-	9.589.567.518
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	-	4.631.000.000	-	4.631.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	4.482.754.014	-	-	4.482.754.014
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.250.268.991	-	-	5.250.268.991
Chi phí phải trả	518.674.825	-	-	518.674.825
	10.251.697.830	4.631.000.000	-	14.882.697.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Số dư với bên liên quan:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương		
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	80.422.056.000	62.795.304.000
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	-	330.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group		
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	129.998.955.125	129.998.955.125
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	3.697.188.000	3.997.188.000
Phải trả khác ngắn hạn	70.440.000	70.440.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam		
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	110.102.446.700	103.529.166.300
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	2.167.945.000	2.637.945.000

Giao dịch với bên liên quan:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam		
Thuê văn phòng	527.401.728	506.673.216
Cung cấp dịch vụ đại lý, tư vấn	1.030.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương		
Phí Giao dịch, phí lưu ký, phí TTBT	324.298	342.278
Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group		
Thuê văn phòng	236.265.583	-
Phí Giao dịch, phí lưu ký, phí TTBT, quản lý tài khoản	2.000.000	41.776.485
Công ty Cổ phần Quản lý khách sạn & dịch vụ Mandala		
Voucher phòng khách sạn	23.400.000	49.600.000

Thù lao, thu nhập của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị	520.223.162	1.044.881.319
	520.223.162	1.044.881.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Chi tiết lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị		111.875.000
Nguyễn Đoàn Tùng	Chủ tịch HĐQT	8.333.333
Hồ Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	4.166.667
Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	4.166.667
Nguyễn Đức Quân	Thành viên HĐQT	4.166.667
Vanfleteren Zamiel	Thành viên HĐQT	4.166.667
Vũ Trọng Quân	Chủ tịch HĐQT	57.291.667
Phạm Hoài Phương	Thành viên HĐQT	29.583.333
Thu nhập của Ban Giám đốc		408.348.162
Nguyễn Đức Quân	Tổng giám đốc	408.348.162
Cộng		520.223.162

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC MỘT SỐ NGUYÊN LÀ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT BỊ KHỞI TỐ VÀ BẮT TẠM GIAM PHỤC VỤ ĐIỀU TRA

Ngày 28/06/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với 05 bị can về tội “Thao túng thị trường Chứng khoán” đối với: Ông Nguyễn Đỗ Lăng – Nguyên Tổng Giám đốc Công ty, Ông Phạm Duy Hưng – Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, Bà Huỳnh Thị Mai Dung là Vợ của Ông Nguyễn Đỗ Lăng, Bà Nguyễn Thị Thanh – Nguyên Kế toán trưởng Công ty và Bà Phạm Thị Đức Việt – Nguyên Phó phòng dịch vụ khách hàng Công ty. Đến nay cơ quan chức năng chưa có kết luận chính thức nào liên quan đến vụ án khởi tố nêu trên.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty đang ghi nhận giá trị mã cổ phiếu API là 80,4 tỷ đồng và mã cổ phiếu IDJ là 110,1 tỷ đồng trên Báo cáo tình hình tài chính.

36.2 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾT TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2024

đến 30/06/2024

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương
Kê toán trưởng



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

